

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày 23-7-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thúc và ông Nguyễn Phi Đính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2020/TLST-DS ngày 02/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS ngày 02/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N;

Địa chỉ trụ sở chính: Đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Lê Võ T – Phó trưởng phòng giao dịch B - Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ (Theo giấy ủy quyền số 173 ngày 15/3/2021) – có mặt.

Địa chỉ: Đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Bà Lão Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Võ T trình bày: Ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) theo hợp đồng tín dụng số 19/112/TN/NNA/HĐTD ngày 19/3/2019 mục đích vay tiêu dùng,

giá trị hợp đồng 450.000.000 đồng, lãi suất cố định 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150%, thời hạn vay 355 ngày, thời hạn trả nợ gốc một lần vào ngày đến hạn, thời hạn trả lãi 3 tháng/lần tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng ông Tr và bà T có thể chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/102/TN/NNA/HĐTC ngày 04/3/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16/102/TN/NNA/HĐTS ngày 04/3/2016, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864795 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T, thửa đất số 15, tờ bản đồ 46, diện tích 4117,3m²; quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864794 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 46, diện tích 8.505,1 m²; địa chỉ của hai thửa đất trên tại Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tính đến ngày 23/7/2021, vợ chồng ông Tr và bà T còn nợ ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 542.370.037 đồng (Trong đó nợ gốc 434.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 75.908.335 đồng, lãi quá hạn là 32.461.702 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông Tr và bà T không thực hiện như cam kết, không chịu trả nợ, vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr và bà T trả cho ngân hàng số tiền còn nợ và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 23/7/2021 cho đến khi vợ chồng ông Tr và bà T trả hết nợ. Trường hợp vợ chồng ông Tr và bà T không trả hoặc trả không đủ thì khi bản án có hiệu lực pháp luật bán phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân Tr trình bày có nội dung: Ngày 19/3/2019, vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch B số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cố định 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150%, thời hạn vay 355 ngày, thời hạn trả nợ gốc một lần vào ngày đến hạn, thời hạn trả lãi 3 tháng/lần tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng ông có thể chấp tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864795 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T, thửa đất số 15, tờ bản đồ 46, diện tích 4117,3m²; quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864794 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 46, diện tích 8.505,1 m². Quá trình vay, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông không trả được nợ cho ngân hàng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông đề nghị ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ cho vợ chồng ông trả dần. Nếu không, đề nghị Tòa án giải quyết số nợ, tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lão Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền tính đến ngày 23/7/2021 là 542.370.037 đồng (Trong đó nợ gốc 434.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 75.908.335 đồng, lãi quá hạn là 32.461.702 đồng) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 24/7/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T không trả hoặc trả không đầy đủ thì tài sản đã thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 20/10/2020, Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng nguyên đơn có việc đột xuất không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, ngày 01/12/2020 nguyên đơn có đơn xin nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án tiếp tục ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 01/12/2020 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí và nộp biên lai thu tạm ứng án phí; ngày 02/12/2020 Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 19/3/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch B cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 19/112/TN/NNA/HĐTD ngày 19/3/2019 với số tiền là 450.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cố định 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150%, thời hạn vay 355 ngày, thời hạn trả nợ gốc một lần vào ngày đến hạn, thời hạn trả lãi 3 tháng/lần tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Tr bà T mới trả được số tiền 53.294.521 đồng, trong đó đã trả nợ gốc là 16.000.000 đồng, đã trả nợ lãi là 37.294.521 đồng. Số nợ gốc và lãi còn lại, vợ chồng ông Tr, bà T chưa trả được cho Ngân hàng V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 23/7/2021 là 542.370.037 đồng (Trong đó nợ gốc 434.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 75.908.335 đồng, lãi quá hạn là 32.461.702 đồng) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 24/7/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V là có căn cứ phù hợp với Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/102/TN/NNA/HĐTC ngày 04/3/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16/102/TN/NNA/HĐTS ngày 04/3/2016 giữa Ngân hàng V và vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V thì tài sản thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/102/TN/NNA/HĐTC ngày 04/3/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16/102/TN/NNA/HĐTS ngày 04/3/2016 bao gồm các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864795 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T, thửa đất số 15, tờ bản đồ 46, diện tích 4117,3m²; quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864794 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 46, diện tích 8.505,1 m²; địa chỉ của hai thửa đất trên tại Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng V. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864795 do UBND huyện K cấp ngày

04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T, thửa đất số 15, tờ bản đồ 46, diện tích 4117,3m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864794 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 46, diện tích 8.505,1 m²; địa chỉ của hai thửa đất trên tại Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/102/TN/NNA/HĐTC ngày 04/3/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16/102/TN/NNA/HĐTS ngày 04/3/2016 là phù hợp với Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[5] Xét ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ để vợ chồng ông bà trả dần. Tuy nhiên Ngân hàng V không đồng ý với đề nghị này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.710.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015722 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T phải chịu 25.694.801 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm [cụ thể là: 542.370.037 đồng = 20.000.000 đồng + (142.370.037 đồng x 4 %) = 25.694.801 đồng] là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền nợ

gốc và lãi là 542.370.037 đồng, trong đó: tiền gốc là 434.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 75.908.335 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.461.702 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/102/TN/NNA/HĐTC ngày 04/3/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16/102/TN/NNA/HĐTS ngày 04/3/2016 bao gồm các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864795 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T, thửa đất số 15, tờ bản đồ 46, diện tích 4117,3m²; quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864794 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 46, diện tích 8.505,1 m²; địa chỉ của hai thửa đất trên tại Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864795 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T, thửa đất số 15, tờ bản đồ 46, diện tích 4117,3m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 864794 do UBND huyện K cấp ngày 04/02/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân Tr, bà Lão Thị T, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 46, diện tích 8.505,1 m²; địa chỉ của hai thửa đất trên tại Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/102/TN/NNA/HĐTC ngày 04/3/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16/102/TN/NNA/HĐTS ngày 04/3/2016.

2. Về án phí:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.710.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015722 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Tr và bà Lão Thị T phải chịu 25.694.801 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh